

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN YÊN THÀNH
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2018/HNGĐ-ST
Ngày 26 tháng 7 năm 2018
“V/việc tranh chấp về hôn nhân gia đình”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN THÀNH - TỈNH NGHỆ AN**

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Anh Ngọc
Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đức Quỳnh - Ông Nguyễn Văn Dũng.
- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Bá Kiên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Thành - tỉnh Nghệ An.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thành - tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Ngày 26 tháng 7 năm 2018 tại Tòa án nhân dân huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số:124/2018/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 5 năm 2018 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 46/2018/QĐXX-ST ngày 29 tháng 6 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Hữu B, sinh ngày 04/11/1974.
Địa chỉ cư trú: xóm 6, xã V, huyện Y, tỉnh Nghệ An.
Nghề nghiệp: Làm ruộng.(Có mặt)
2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh ngày 28/8/1979.
Địa chỉ cư trú: xóm 6, xã V, huyện Y, tỉnh Nghệ An
Nghề nghiệp: làm ruộng. (Vắng mặt lần 2 không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện, trình bày tại bản tự khai và trình bày của nguyên đơn tại phiên tòa thì vụ án có nội dung :

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Hữu B và chị Nguyễn Thị T cưới nhau vào tháng 11/2000 trước khi cưới anh chị có quá trình tìm hiểu, hôn nhân trên cơ sở tình yêu và sự tự nguyện đến với nhau, tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán, được sự đồng ý của hai gia đình chứng kiến của xóm làng và bạn bè. Trước khi cưới anh chị đã đến UBND xã V làm thủ tục đăng ký kết hôn, được cấp giấy chứng nhận kết hôn số: 24/2000 ngày 04/11/2000. Sau khi cưới và đăng ký kết hôn thì đến

đầu năm 2014 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu là do tính tình vợ chồng không phù hợp, quan điểm sống vợ chồng khác nhau, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung trong hôn nhân nên vợ chồng đã có những xử sự, lời nói thiếu tôn trọng nhau. Mâu thuẫn xảy ra thường xuyên đã làm mất tình cảm vợ chồng, dẫn đến vợ chồng không còn thương yêu, quý trọng nhau như trước kia nữa. Sau khi phát sinh mâu thuẫn thì vợ chồng đã tự hòa giải và gia đình tổ chức hòa giải nhiều lần nhưng tình cảm vợ chồng cũng không được cải thiện, ngược lại mâu thuẫn vợ chồng xảy ra ngày càng trầm trọng hơn. Do mâu thuẫn đã làm cho không khí trong cuộc sống chung của vợ chồng lúc nào cũng nặng nề gây khó chịu cho nhau. Nên vợ chồng đã sống ly thân cắt đứt các quan hệ từ đầu năm 2015 đến nay. Quá trình viết bản tự khai và tại phiên tòa anh B xác định hôn nhân giữa anh và chị T đã đổ vỡ không thể hàn gắn, dù có hòa giải đến đâu thì vợ cũng thể đoàn tụ, mâu thuẫn đã kéo dài và trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được như mong muốn của các bên, anh Nguyễn Hữu B đề nghị Tòa giải quyết cho anh được ly hôn chị Nguyễn Thị T.

- Về quan hệ con chung: Vợ chồng có con hai con chung: Cháu Nguyễn Thị Th(Giới tính: nữ) sinh ngày 26/6/2001 và cháu Nguyễn Hữu Tây Q(Giới tính: nam), sinh ngày 23/6/2002. Từ ngày vợ chồng sống ly thân con chung đang được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, chị T đi lại thăm nom con chung thường xuyên. Nếu ly hôn anh B đề nghị tòa giao hai con chung cho anh trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng vì hai con chung có nguyện vọng sinh sống với bố, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

- Về quan hệ tài sản: Anh Nguyễn Hữu B không yêu cầu giải quyết.

Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án chị Nguyễn Thị T không hợp tác, Tòa án không thu thập được lời khai, ý kiến của chị T để lưu tại hồ sơ vụ án. Nhưng căn cứ vào các tài liệu chứng cứ do anh Nguyễn Hữu B cung cấp, xác minh tại địa phương và trình bày của anh B tại đơn khởi kiện, bản tự khai và trình bày tại phiên tòa thì về quan hệ hôn nhân, quan hệ con chung nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng cơ bản đúng như anh B đã trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trong quá trình giải quyết vụ án tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Nguyễn Hữu B, chị Nguyễn Thị T, yêu cầu anh, chị có mặt tại Tòa án để giải quyết, nhưng chị T không chấp hành, không hợp tác. Vì vậy, Tòa án đã lập biên bản theo qui định của pháp luật tố tụng dân sự làm cơ sở để giải quyết vụ án.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử lần thứ nhất, giấy triệu tập phiên tòa lần thứ nhất đối với các đương sự. Tại phiên tòa lần thứ nhất

nguyên đơn anh Nguyễn Hữu B có mặt, bị đơn chị Nguyễn Thị T vắng mặt không có lý do, nên Hội đồng xét xử đã quyết định hoãn phiên tòa. Để tiếp tục giải quyết vụ án, Tòa án tiếp tục tổng đạt hợp lệ Quyết định hoãn phiên tòa trong đó ấn định thời gian xét xử vụ án và Giấy triệu tập phiên tòa lần thứ hai cho anh B, chị T. Tại phiên tòa lần thứ hai nguyên đơn anh Nguyễn Hữu B có mặt, bị đơn chị Nguyễn Thị T tiếp tục vắng mặt không có lý do, căn cứ điểm b, khoản 2 Điều 227, khoản 3 điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử, tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đối bị đơn.

- Về quan hệ hôn nhân: Điều kiện kết hôn, trình tự thủ tục tiến tới hôn nhân giữa anh Nguyễn Hữu B và chị Nguyễn Thị T đảm bảo đúng qui định của pháp luật. Trước khi cưới anh chị đã đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện Y được cấp giấy chứng nhận kết hôn số: 24/2000 ngày 04/11/2000 qua đó cho thấy hôn nhân giữa anh Nguyễn Hữu B và chị Nguyễn Thị T là hôn nhân hợp pháp.

Mâu thuẫn giữa vợ chồng anh Nguyễn Hữu B và chị Nguyễn Thị T đã xảy ra ngày càng trầm trọng và sâu sắc. Nguyên nhân chủ yếu là do vợ chồng không tìm được sự hòa hợp trong hôn nhân, khắc khẩu với nhau mỗi khi giao tiếp, vợ chồng sống xử sự thiếu tôn trọng nhau trong cuộc sống chung. Do mâu thuẫn nên vợ chồng đã cự cãi va chạm với nhau nhiều lần làm mất tình cảm vợ chồng và dẫn đến hôn nhân đổ vỡ. Sau khi các bên sống ly thân vợ chồng đều không có ý thức níu kéo hôn nhân để đoàn tụ mà đã cắt đứt các quan hệ vợ chồng, không thương yêu quan tâm đến nhau. Qua đó cho thấy tình cảm giữa anh Nguyễn Hữu B, chị Nguyễn Thị T không còn còn nữa, hôn nhân đã thực sự đổ vỡ, tan rã không thể hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Anh Nguyễn Hữu B yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị Nguyễn Thị T là có căn cứ, cần xử chấp nhận yêu cầu của anh.

- Về quan hệ con chung: Từ ngày vợ chồng sống ly thân hai con chung của vợ chồng được anh B trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Anh B đã nuôi, dạy con tốt, con chung được ăn học phát triển bình thường về mọi mặt, thể hiện người bố có trách nhiệm cao đối với con chung. Hơn nữa con chung cũng có nguyện vọng được sinh sống trực tiếp với bố. Do vậy anh B đề nghị giao hai con chung cho anh được trực tiếp nuôi dưỡng là đúng, đảm bảo quyền lợi con chung của vợ chồng, nên cần chấp nhận về việc đề nghị giao nuôi con của anh Nguyễn Hữu B.

Do anh Nguyễn Hữu B không yêu cầu chị Nguyễn Thị T Cấp dưỡng nuôi con nên cần tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho chị Nguyễn Thị T cho đến lúc có yêu cầu.

- Về quan hệ tài sản: Anh Nguyễn Hữu B không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên miễn xét.

- Về án phí: Buộc anh Nguyễn Hữu B phải nộp án phí sơ thẩm theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 56, 81; 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Xử:

* Về quan hệ tình cảm: Anh Nguyễn Hữu B được ly hôn chị Nguyễn Thị T.

* Về quan hệ con chung: Giao hai con chung cháu Nguyễn Thị Th (Giới tính: nữ), sinh ngày 26/6/2001 và cháu Nguyễn Hữu Tây Q (Giới tính: nam), sinh ngày 23/6/2002 cho anh Nguyễn Hữu B trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho đến lúc con chung đủ tuổi trưởng thành.

Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho chị Nguyễn Thị T cho đến lúc có yêu cầu.

Chị Nguyễn Thị T không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ đi thăm nom chăm sóc con chung không ai được cản trở.

* Về án phí: Áp dụng điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự: Điều 26: Điều 27 của nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội qui định về mức thu, miễn giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

- Buộc: Buộc anh Nguyễn Hữu B phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Nhưng được tính trừ 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí ly hôn anh đã nộp theo biên lai số: 0003406 ngày 27/4/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Thành - Nghệ An. Anh Nguyễn Hữu B đã nộp đủ án phí.

Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án do Tòa án tổng đạt.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nơi nhận:

- Các đương sự,
- VKSND H. Yên Thành.
- CC THA DS H. Yên Thành.
- TAND tỉnh Nghệ An
- Lưu HSVA

(Đã ký)

Vũ Anh Ngọc